

Bản án số: **38/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 17/7/2018.

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Ông Trần Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đào Minh Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị N yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đào Minh Q. chị N trình bày chị và anh Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 2013. Nhưng sau khi kết hôn, chị N và anh Q chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng đã tự sống ly thân với nhau kể từ tháng 4/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Nay nhận thấy bản thân không còn tình cảm đối với anh Q nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh Q có một người con chung tên là Đào Thị Thảo N1, sinh năm 2014 hiện nay đang do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi thành niên và yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**/ Bị đơn – anh Đào Minh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q tự nguyện kết hôn với chị N và có đăng ký tại UBND xã G vào năm 2013 - Theo như giấy chứng nhận kết hôn mà chị N cung cấp là đúng. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu tại nhà anh Q, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Nhưng anh Q cho rằng chị N không thích làm dâu mà muốn được ra sống riêng. Điều này khiến vợ chồng cãi nhau và khoảng một năm trở lại đây chị N bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân. Anh Q tìm cách liên lạc hàn gắn tình cảm với chị N nhưng không có kết quả. Do anh Q vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng sống đoàn tụ.

Về con chung: Anh Q và chị N có người con chung tên là Đào Thị Thảo N1, sinh năm 2014. Nếu giải quyết ly hôn, anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q không yêu cầu giải quyết.

Đối với các tài liệu chứng cứ mà chị N nộp, anh Q không có ý kiến;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Q.

Đề nghị giao cháu Đào Thị Thảo N1, sinh ngày 07/01/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị N không được ngăn cản.

Về án phí: Đề nghị chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn - chị Trần Thị N và bị đơn - anh Đào Minh Q đều vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng chị N và anh Q đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - chị Trần Thị N; Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh Đào Minh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã G năm 2013. Lý do mà chị N yêu cầu ly hôn với anh Q là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống; thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống. Riêng về phần anh Q, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2018 (bút lục số 14), biên bản hòa giải ngày 26/4/2018 (bút lục số 18), anh Q công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay; Nhiều lần anh Q tìm cách liên lạc hàn gắn tình cảm với chị N nhưng không có kết quả; bản thân anh Q vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa chị N và anh Q nhưng không thành vì chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Chị N trình bày vì không còn tình cảm nên không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Q nữa. Điều này thể hiện hôn nhân giữa chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Q theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh Q công nhận trong thời gian chung sống có một người con chung tên Đào Thị Thảo N1, sinh năm 2014. Khi ly hôn chị N và anh Q đều yêu cầu được quyền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được nuôi con của các bên là chính đáng, tuy nhiên hiện cháu N1 đang do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được phát triển bình thường, chị N hiện có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, cháu N1 là nữ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; nên cần tiếp tục giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Đào Thị Thảo N1, sinh năm 2014 cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình tố tụng, ngoài yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì chị N còn yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tuy nhiên vào ngày 11/7/2018 chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị N chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, do đó về cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Cần buộc chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Đào Minh Q.

Về con chung: Chị Trần Thị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Đào Thị Thảo N1, sinh năm 2014 cho đến khi thành niên. Anh Đào Minh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị N nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị N không được ngăn cản.

Về án phí:

- Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0012401, ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2018). Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã G;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí